

Số: **2813** /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày **22** tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên hệ chính quy
Học kỳ I năm học 2018 - 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo hệ chính quy;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 và Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Liên bộ Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020.

Căn cứ vào Quyết định số 1386/QĐ-ĐHV ngày 22/4/2015 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Vinh;

Căn cứ hướng dẫn số 07/HD-ĐHV ngày 02/6/2016 của Trường Đại học Vinh về thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, sinh viên hệ chính quy của Trường Đại học Vinh;

Xét hồ sơ xin miễn, giảm học phí năm học kỳ 1 năm học 2018 - 2019 của sinh viên và kết luận của Hội đồng thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên Trường Đại học Vinh tại phiên họp ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn học phí cho 553 sinh viên, giảm 70% học phí cho 72 sinh viên và giảm 50% học phí cho 40 sinh viên hệ chính quy (có danh sách kèm theo) học kỳ I,

năm học 2018 - 2019 (5 tháng), tổng số tiền là 2.636.445.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường các đơn vị: Công tác chính trị-Học sinh, sinh viên, Kế hoạch-Tài chính, Hành chính tổng hợp, Trường các viện, các khoa đào tạo, Trường các đơn vị có liên quan và những sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Lưu: HCTH, CTCTHSSV.



GS.TS. Đinh Xuân Khoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

(Kèm theo Quyết định số 2813 /QĐ-ĐHV ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

1. VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Ngành: Chính trị học

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	La Văn Tý	155D3102010026	56B	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	167373982	1658500352	101002626147	Vietinbank
2	Hà Văn Thường	155D3102010024	56B	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	184559746	9643049095	105006922021	Vietinbank
3	Vì Đức Duy	155D3100010001	56B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	174757055	1666449475	103002626132	Vietinbank
4	Hoa Hải Âu	155D3102010010	56B	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187567344	986948064	102002626133	Vietinbank
5	Vàng Thị Mai	155D3102010025	56B	DTTS-VĐBKK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	051043427	01662565786	102002626146	Vietinbank
6	Lô Thị Thu Hằng	165TDV400425	57B	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187636715	01684436191	103002937325	Vietinbank
7	Vì Thị Hằng	165TDV400404	57B	DTTS-VĐBKK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187517392	0918514946	102003762853	Vietinbank
8	Trịnh Mạnh Quát	165TDV400384	57B	SV tàn tật, hộ cận nghèo	Miễn		810,000	5	4,050,000	187445914	0969108136	101002089804	Vietinbank
9	Lô Thị Thùy Linh	165TDV400395	57B	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187515355	01632541765	103003634499	Vietinbank
10	Lê Đức Thảo	165TDV400426	57B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187773499	0967318993	109002109531	Vietinbank
11	Vì Văn Sơn	165TDV400485	57B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187513099	0967318993	109002109531	Vietinbank
12	Nguyễn Thị Thoa	1755231020100009	58B	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187783058	01695622303	100867743924	Vietinbank
13	Xeo Thị Sửu	1755231020100001	58B	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187564690	01663033560	104867743605	Vietinbank
14	Lý Bá Châu	1755231020100003	58B	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Mông	810,000	5	4,050,000	187693463	0944829337	104867743620	Vietinbank
15	Hồ Bá Rê	1755231020100011	58B	DTTS-VĐBKK	Giảm 70%	Mông	567,000	5	2,835,000	187694055	01252820038	105867743929	Vietinbank
16	Moong Văn Bún	1755231020100012	58B	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187692718	01258593453	107868049144	Vietinbank
17	Lô Văn Cương	1755231020100005	58B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187567710	0967173574	106867743885	Vietinbank
18	Nguyễn Thị Linh	18573102010001	59B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thổ	810,000	5	4,050,000	187642814	01688009438	100869053450	Vietinbank
Tổng tiền:							13,851,000		69,255,000				

Ấn định danh sách miễn 15 SV, giảm 70% 03 SV

Ngành: Quản lý Nhà nước

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Moong Văn Mưu	18573102050002	59B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187866218	01297759459	105868888030	Vietinbank
2	Lý Bá Mạnh	18573102050004	59B	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187666428	0972763509	102869053446	Vietinbank
3	Nguyễn Thị Khánh Hòa	18573102050003	59B	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184366932	01656711031	103869053445	Vietinbank
4	Lo Thị Ven	18573102050008	59B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Ở Đu	810,000	5	4,050,000	187836787	01655018988	104868532326	Vietinbank
5	Là Văn Nghiệp	18573102050007	59B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	040627140	0395263261	107869208092	Vietinbank
Tổng tiền:							4,050,000		20,250,000				

Ấn định danh sách miễn 5 SV

Ngành: Công tác xã hội

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Lương Văn Hà	145D7601010023	55B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187561185	0966533913	101001716824	Vietinbank
2	Lo Văn Cánh	155D7601010100	56B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ Mú	810,000	5	4,050,000	187563780	0962993048	105002490753	Vietinbank

3	Vi Thị Duyên	155D7601010018	56B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187504313	0968891585	101001490757	Vietinbank
4	Và Bá Hòa	155D7601010067	56B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187628759	01626555126	106002490764	Vietinbank
5	Lô Văn Hùng	155D7601010096	56B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ Mú	810,000	5	4,050,000	187476895	0968760736	105002490765	Vietinbank
6	Thò Y Chò	155D7601010121	56B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187515488	0919463180	101002650477	Vietinbank
7	Lương Thị Hồng	155D7601010012	56B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187626146	01659365228	107002490763	Vietinbank
8	Lo Thị Nang	155D7601010006	56B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ Mú	810,000	5	4,050,000	187566162	01666896923	107002490776	Vietinbank
9	Hà Thị Kim Oanh	155D7601010049	56B1	Con bệnh binh 2/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	184249727	01659038846	103002490782	Vietinbank
10	Lô Thị Vi On	155D7601012001	56B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187543331	01687555595	101002490784	Vietinbank
11	Già Bá Pó	155D7601010119	56B1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187473175	01699850103	108007013784	Vietinbank
12	Lầu Bá Lồng	155D7601010059	56B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187567767	0968277181	100002490773	Vietinbank
13	Hà Thị Như	155D7601010031	56B1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	173689894	01666220527	104002490779	Vietinbank
14	Vi Thị Yễn	155D7601010064	56B1	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187516116	1667838188	102002490795	Vietinbank
15	Hà Văn Thạch	155D7601010017	56B1	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187515055	0965304966	109002490786	Vietinbank
16	Lương Thị Khuôn Nga	155D7601010070	56B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187515055	0965304966	106002490777	Vietinbank
17	Sầm Thị Nhung	155D7601010036	56B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187477571	0973109053	105002490780	Vietinbank
18	La Thị Mỹ Nhi	155D7601010069	56B1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187472467	976135876	105002490778	Vietinbank
19	Hà Thị Nới	155D7601010015	56B1	DTTS Vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	174957794	1674614806	104002490781	Vietinbank
20	Nguyễn Cẩm Vân	155D7601010032	56B1	Con thương binh 2/4	Miễn	Thổ	810,000	5	4,050,000	187457627	1692870933	104002490793	Vietinbank
21	Cút Văn Chanh	155D7601010099	56B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187563017	1652749722	104002490754	Vietinbank
22	Nguyễn Thị Ly Hương	155D7601010062	56B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187561085	971223123	102001716669	Vietinbank
23	Hoàng Thị Nguyệt	145D7601010013	56B1	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187390320	1683908873	109006656139	Vietinbank
24	Lô Thị May Ba	155D7601010065	56B1	DTTS Vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187473780	963178298	107002490751	Vietinbank
25	Và Y Kia	155D7601010056	56B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187566898	01636032736	109002675166	Vietinbank
26	Hồ Thị Hai Nhất	155D7601010092	56B2	Con bệnh binh 2/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	197349969	0986899500	109002675212	Vietinbank
27	Vi Thị Phúc	155D7601010043	56B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187561619	01682050801	100002675575	Vietinbank
28	Hà Thị Thảo	155G7601010044	56B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187561707	01654194990	108002668217	Vietinbank
29	Già Bá Găng	155D7601010116	56B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187515503	0912623230	108002843180	Vietinbank
30	Lê Thị Hồng Thắm	155D7601010008	56B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187683864	01697292259	107002675580	Vietinbank
31	Vi Thị Hậu	155D7601010011	56B2	DTTS Vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187505825	967305625	106002675566	Vietinbank
32	Lê Thị Loan	155D7601010085	56B2	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Mường	810,000	5	4,050,000	174758202	01626230241	105002675570	Vietinbank
33	Vàng A Hải	155D7601010118	56B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'mông	810,000	5	4,050,000	40421977	914033565	100002733002	Vietinbank
34	Hồ Thị Nguồn	155D7601010095	56B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Pa cô	810,000	5	4,050,000	197315253	962093078	103002675572	Vietinbank
35	Nguyễn Thị Huế	155D7601010047	56B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thổ	810,000	5	4,050,000	187512766	1675817059	105002675567	Vietinbank
36	Lương Thị Minh Hiền	165TDV400524	57B	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187517342	962758620	103003634448	Vietinbank
37	Lữ Thị Tươi	165TDV400508	57B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187503009	1636014899	103003634475	Vietinbank
38	Xông Y Xông	165TDV400607	57B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Mông	810,000	5	4,050,000	187517663	1232328979	107003634838	Vietinbank
39	Lô Thị Kèo	155D7601010034	57B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187563853	985240052	163000039533	Vietinbank
40	Trương Văn Giáp	1755276010100014	58B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187671304	964004385	102867596014	Vietinbank
41	Vi Thị Trang	1755276010100023	58B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187779222	1652520353	105867596023	Vietinbank
42	Lữ Thị Kim Cúc	1755276010100007	58B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187712295	1698231362	106867596007	Vietinbank
43	Kha Thị Tầm	1755276010100002	58B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187779678	965721164	101867596002	Vietinbank
44	Lâm Thị Oanh	1755276010100028	58B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187671033	986739727	105867649199	Vietinbank
45	Già Bá Súa	1755276010100018	58B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187672446	943673914	108867596018	Vietinbank
46	Đinh Thảo Nhi	1755276010100006	58B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thổ	810,000	5	4,050,000	187761546	1639607633	107867596006	Vietinbank
47	Kha Văn Hằng	1755276010100017	58B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187693278	1677154399	109867596017	Vietinbank
48	Hoa Trung Uy	1755276010100020	58B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187695049	1643433771	108867596020	Vietinbank
49	Chích Văn Quy	1755276010100032	58B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187695046	967172105	107867649203	Vietinbank
50	Vi Thị Ngọc Châu	1755276010100019	58B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187567941	1257132699	107867596019	Vietinbank
51	Vi Quỳnh Giao	1755276010100012	58B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187629856	1672083238	104867596012	Vietinbank

52	Xeo Văn Hằng	1755276010100025	58B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187567330	1259640142	103867596025	Vietinbank
53	Nguyễn Thị Kiều	1755276010100026	58B	Tàn tật, hộ cận nghèo	Miễn		810,000	5	4,050,000	187579706	1255916445	102867596026	Vietinbank
54	Moong Văn Hùng	18577601010008	59B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ Mú	810,000	5	4,050,000	187695943	01627110437	104869053431	Vietinbank
55	Mùa Bá Thìn	18577601010016	59B	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187783777	0974667742	107869053441	Vietinbank
56	Đoàn Thị Thanh Thảo	18577601010007	59B	Con mồ côi	Miễn		810,000	5	4,050,000	184360974	0915587224	108869053440	Vietinbank
57	Lữ Thủy Kiều	18577601010005	59B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187865444	0973408130	102869053433	Vietinbank
58	Lô Thị Quỳnh Trang	18577601010004	59B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187695655	01653488103	105869053443	Vietinbank
59	Lô Thị Nhung	18577601010015	59B	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187836852	0967474015	109869053436	Vietinbank
60	Hạ Y Nu	18577601010010	59B	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187865869	01696826795	107869053438	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn 55 SV, giảm 70% 05 SV.

Tổng tiền: 47,385,000 236,925,000

Ngành: Quản lý văn hóa

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Vi Thị Dung	155D2203420014	56B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187565876	01657904197	102002490853	Vietinbank
2	Hồ Văn Nặc	155D2203420022	56B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Pa Cô	810,000	5	4,050,000	197325341	01633036619	105002503501	Vietinbank
3	Lê Thị Thanh Nga	155D2203420001	56B	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184170102	01638719006	106002490861	Vietinbank
4	Vi Văn Tuấn	155D2203420018	56B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	071021763	01655771275	107006921958	Vietinbank
5	Quang Thị Hậu	155D2203422001	56B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	1875552001	0972312655	101001414771	Vietinbank
6	Vang Thị Thanh Hương	155D2203420029	56B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187473165	986792043	103002490864	Vietinbank
7	Lý Y Chi	155D2203420013	56B	DTTS hộ nghèo	Miễn	H' Mông	810,000	5	4,050,000	187566891	01693892400	104002490849	Vietinbank
8	Và Bá Di	155D2203420015	56B	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187629615	0966338572	103002490852	Vietinbank
9	Vừ Y Dếnh	155D2203420020	56B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Mông	810,000	5	4,050,000	187565886	01627352610	101002490851	Vietinbank
10	Già Y Trừ	155D2203420008	56B	DTTS Vùng ĐBK	Giảm 70%	H'Mông	567,000	5	2,835,000	187692417	968553824	102002490865	Vietinbank
11	Cụt Văn Xim	155D2203420030	56B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187563016	1672933154	102002688123	Vietinbank
12	Lữ Thị Em	155D2203420025	56B	DTTS Vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187505917	1672770652	100002490855	Vietinbank
13	Lầu Y Lý	175522034200008	58B	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187780726	948415653	108867649184	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn 11 sinh viên, giảm 70% 02 SV.

Tổng tiền: 10,044,000 50,220,000

Ngành: Việt Nam học

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Nguyễn Thị Tú Oanh	155D2201130044	56B1	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187592258	0974346678	100002675550	Vietinbank
2	Trần Thị Thùy	155D2201130065	56B1	Con bệnh binh 1/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	187607296	0964276766	104001398079	Vietinbank
3	Võ Thị Thúy Hằng	165TDV400444	57B DL	Con thương binh 2/4	Miễn	Kinh	960,000	5	4,800,000	184247047	1669661719	101003634491	Vietinbank
4	Trần Thị Thu Thảo	165TDV400482	57B DL	Con bệnh binh 2/3	Miễn	Kinh	960,000	5	4,800,000	187728254	1658571331	107867535317	Vietinbank
5	Lê Thị Thương	165TDV400497	57B DL	Con bệnh binh 2/3	Miễn	Kinh	960,000	5	4,800,000	187572754	1637391673	104003522904	Vietinbank
6	Hoàng Thị Nga	165TDV400521	57B DL	Con thương binh 4/4	Miễn	Kinh	960,000	5	4,800,000	187788424	989848306	108003183045	Vietinbank
7	Võ Thị Tú Uyên	1755222011300039	58B1	CTB 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187819548	0964379702	108867595998	Vietinbank
8	Đào Thị Thảo Vy	1755222011300032	58B1	CTB 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187698101	0962690400	105867595991	Vietinbank
9	Trương Thị Hồng Hạnh	18573106300026	59B1	Con thương binh 2/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	184394970	0965825164	106869048099	Vietinbank
10	Lương Anh Đào	18573106300038	59B1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187760346	0929798210	101869048094	Vietinbank
11	Đặng Tuấn Dũng	18573106300004	59B1	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	672,000	5	3,360,000	187700062	01695132247	104869048091	Vietinbank
12	Hồ Thị Nhung	18573106300006	59B1	Con mồ côi	Miễn		960,000	5	4,800,000	187819637	01255496943	109869048115	Vietinbank
13	Nguyễn Duy Tuấn	18573106300044	59B2	Khuyết tật, HCN	Miễn		960,000	5	4,800,000	187911371	0868208706	109869048154	Vietinbank
14	Vi Thị Hòa	18573106300075	59B2	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	672,000	5	3,360,000	187762149	01632493117	103869048135	Vietinbank
15	Lo Thị Ván	18573106300052	59B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187644355	0941170042	105869048158	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn 13 SV; Giảm 70%: 02 SV.

Tổng tiền: 13,824,000 69,120,000

Ngành: Báo chí

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Ngân Thị Mai	155D3201010020	56B - Bảo chí	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187627112	01677929054	109002675319	Vietinbank
2	Nguyễn Quốc Việt	165TDV400470	57B - Bảo chí	DTTS , VĐBKK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187628161	0918885569	104003546945	Vietinbank
3	Nguyễn Thái Xuân Sơn	165TDV400505	57B	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187250371	01677171979	105005807595	Vietinbank
4	Đoàn Thị Minh Hương	18573201010015	59B	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184352380	0964878297	102869053419	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn 03 sv, giảm 70% 01 sv

Ấn định danh sách toàn Viện miễn 102 SV, giảm 70% 13 SV.

Tổng tiền: 2,997,000 14,985,000
TỔNG TIỀN: 92,151,000 460,755,000

2. VIỆN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Ngành: Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Hoàng Văn Hậu	145D4802010006	55K1	Con thương binh 1/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187611517	969676199	100001487342	Vietinbank
2	Nguyễn Trọng Nhân	145D4802010013	55K1	Con bệnh binh 2/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	187095488	1239765573	108005228366	Vietinbank
3	Phan Sỹ Tân	145D4802010009	55K1	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187634342	1689676214	104001705871	Vietinbank
4	Lưu Minh Tuấn	145D4802010005	55K1	SV tàn tật hộ cận nghèo	Miễn		960,000	5	4,800,000	184246072	986164767	103001705869	Vietinbank
5	Nguyễn An Thanh	145D4802010034	55K1	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187405330	977286434	108001396037	Vietinbank
6	Hà Văn Hiền	145D4802010042	55K2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187351164	01676306860	106001705881	Vietinbank
7	Lang Văn Thủy	145D4802010066	55K2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187561527	01654351633	109001705888	Vietinbank
8	Biện Hiếu	145D4802010137	55K3	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187409388	0985369096	104001554614	Vietinbank
9	Phạm Bá Toại	145D4802010127	55K3	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187548351	0969860243	108006966893	Vietinbank
10	Nguyễn Hữu Hoàng	155D4802010007	56K1	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187698183	01208524297	102002060191	Vietinbank
11	Lê Thị Xuân Quỳnh	155D4802010153	56K1	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187702741	0963166435	102002114263	Vietinbank
12	Vì Văn Bảo	155D4802010242	56K1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187552102	0964772754	108002842933	Vietinbank
13	Nguyễn Công Danh	155D4802010064	56K2	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187441172	1628327335	104002115628	Vietinbank
14	Lào Thị Linh Chi	155D4802010032	56K2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187511772	01686213043	102002519948	Vietinbank
15	Hoàng Ngọc Thắng	155D4802010069	56K2	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187699309	967195096	102002098916	Vietinbank
16	Lương Ngọc Huân	145D4802010100	56K2	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	172475463	0979088082	107004773656	Vietinbank
17	Lê Tiến Đạt	155D4802010060	56K3	Con thương binh 3/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187606320	1673421860	106002060090	Vietinbank
18	Bùi Xuân Huy	155D4802010170	56K3	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187535263	966966146	108001492064	Vietinbank
19	Lương Văn Tiến	155D4802010208	56K3	DTTS hộ cận nghèo	Miễn		960,000	5	4,800,000	187560251	1689002054	107002842986	Vietinbank
20	Nguyễn Thị Mai	155D4802010199	56K4	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	184287585	984431098	102002520008	Vietinbank
21	Bùi Đức Truyền	155D4802010204	56K4	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		960,000	5	4,800,000	187674519	0977547242	106002520031	Vietinbank
22	Chu Trí Đức	165TDV200280	57K1	Con người bị TNLD	Giảm 50%		480,000	5	2,400,000	187624252	0967311940	100003004730	Vietinbank
23	Trần Ngọc Anh Tuấn	165TDV200406	57K1	Con thương binh 2/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187406205	01634391906	108007051503	Vietinbank
24	Phan Kim Hòa	165TDV200128	57K2	Con thương binh 3/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187585741	0964696420	103002622519	Vietinbank
25	Nguyễn Viết Toàn	165TDV200018	57K2	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	184339205	0941172085	105003634406	Vietinbank
26	Hoàng Công Pháp	165TDV200403	57K2	Con người bị TNLD	Giảm 50%		480,000	5	2,400,000	187574832	0987278896	100003634401	Vietinbank
27	Lê Viết Hoàng	165TDV200473	57K3	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	184266806	01656143579	105003634421	Vietinbank
28	Trần Hoài Ước	165TDV200052	57K3	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	184266806	01682201090	100003634438	Vietinbank
29	Phan Trọng Quyết	165TDV200169	57K3	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	184298378	1647863939	106002913264	Vietinbank
30	Vương Thái Quân	1755248020100014	58K1	Con thương binh 3/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	184118338	0919591646	108867592497	Vietinbank
31	Dương Trí Phong	1755248020100033	58K1	Con người bị TNLD	Giảm 50%		480,000	5	2,400,000	184353891	01627776685	104867592491	Vietinbank
32	Nguyễn Hữu Thái	1755248020100004	58K1	Con người bị TNLD	Giảm 50%		480,000	5	2,400,000	187587176	01652609986	107867592504	Vietinbank
33	Vì Văn Bảy	1755248020100088	58K3	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187774308	01664772338	100867592580	Vietinbank
34	Nguyễn Đức Thắng	1755248020100094	58K3	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187842515	01235542299	101867592622	Vietinbank

35	Và Bá Pênh	1755248020100108	58K3	DTTS hộ nghèo	Miễn	H"mông	960,000	5	4,800,000	187694944	01693238210	107867592614	Vietinbank
36	Ngô Duy Khánh	1755248020100162	58K4	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187064313	01687220314	103867592657	Vietinbank
37	Ngân Văn Thiện	1755248020100188	58K4	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187773752	01669936425	108867592677	Vietinbank
38	Lê Văn Khang	1755248020100037	58K1	Khuyết tật - Hộ nghèo	Miễn		960,000	5	4,800,000	18723202	01626661933	104867592477	Vietinbank
39	Hoàng Việt	1755248020100231	58K1	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		960,000	5	4,800,000	187697732	0914420511	100867797020	Vietinbank
40	Đặng Quang Tiến	1755248020100225	58K4	Khuyết tật - Hộ cận nghèo	Miễn		960,000	5	4,800,000	184304117	01629021318	107867649154	Vietinbank
41	Trương Trung Dũng	18574802010141	59K1	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187844943	0898649747	102869107844	Vietinbank
42	Lương Hữu Quyết	18574802010154	59K1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187784576	0981214057	102869107831	Vietinbank
43	Vi Văn Dũng	18574802010132	59K1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187568372	01662671115	102869107807	Vietinbank
44	Nguyễn Trương Duy Từ	18574802010052	59K1	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187841609	0922314704	105869108019	Vietinbank
45	Thái Anh Đức	18574802010081	59K1	Con người bị TNLD	Giảm 50%		480,000	5	2,400,000	187863376	0965150327		Vietinbank
An định danh sách miễn 40 SV, giảm 50% 05 SV							Tổng tiền:	40,800,000	204,000,000				

Ngành: Công nghệ kỹ thuật ô tô

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Hồ Ngọc Hào	18575102050042	59K	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	184377666	01666373231		Vietinbank
An định danh sách miễn 1 sinh viên.							Tổng tiền:	960,000	4,800,000				

Ngành: Kỹ thuật điện, điện tử

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Nguyễn Bá Tú	145D5103010083	55K1	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187237429	1698677462	104001738223	Vietinbank
2	Ngân Anh Phúc	145D5103010033	55K1	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187463549	984917815	100001738215	Vietinbank
3	Hà Văn Lợi	145D5103010029	55K2	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187560701	973074840	101001762353	Vietinbank
4	Nguyễn Công Danh	145D5103010062	55K2	Con người bị TNLD	Giảm 50%		480,000	5	2,400,000	187391242	1634976644	105006676741	Vietinbank
5	Vừ Bá Giờ	145D5103010068	55K2	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	960,000	5	4,800,000	187565372	169781228	108001762356	Vietinbank
6	Quang Thắng Lộc	145D5103010020	55K2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187560704	1699693245	103001762349	Vietinbank
7	Lô Mạnh Hùng	155D5103010081	56K2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187474950	1654233832	108002626440	Vietinbank
8	Nguyễn Văn Thắng	155D5103010036	56K2	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		960,000	5	4,800,000	187441725	01627590971	100002626423	Vietinbank
9	Đặng Mạnh Cẩm	165TDV200035	57K	Khuyết tật - Hộ cận nghèo	Miễn		960,000	5	4,800,000	187582335	0962912124	108003634237	Vietinbank
10	Ngân Văn Tinh	165TDV200054	57K	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187683872	01687650098	104003634258	Vietinbank
11	Nguyễn Quang Nghĩa	165TDV200157	57K	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	184318160	0985800504	102003634258	Vietinbank
12	Mạnh Đức Lộc	165TDV200433	57K	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187758957	01629594545	103003762961	Vietinbank
13	Nguyễn Cảnh Việt	165TDV200005	57K	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187513098	01674118958	107003634278	Vietinbank
14	Lộc Văn Quyết	165TDV200007	57K	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187756022	01656281188	106003634254	Vietinbank
15	Lê Hoàng Lâm	165TDV200112	57K	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	184242585	1652109876	104867641722	Vietinbank
16	Lê Văn Hà	1755251030100069	58K	Con thương binh 3/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	184360219	0968315702	108867641703	Vietinbank
17	Tô Vĩnh Anh	1755251030100012	58K	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187832556	0888086536		Vietinbank
18	Hà Văn Hưng	18575103010045	59K	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		960,000	5	4,800,000	184322124	0942708956		Vietinbank
19	Phan Bá Dũng	18575103010017	59K	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187715688	01665032787		Vietinbank
20	Cao Huy Công	18575103010017	59K	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000				
An định danh sách miễn 19 SV, giảm 50% 01 SV							Tổng tiền:	18,720,000	93,600,000				

Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Phan Văn Chung	145D5202160049	55K1	Con bệnh binh 2/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	187432351	01685355219	104001716873	Vietinbank

2	Nguyễn Thừa Dũng	145D5202160003	55K1	Con thương binh 3/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187095638	0975767194	100005522890	Vietinbank
3	Đặng Minh Thành	145D5202160011	55K1	Con thương binh 3/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	184278890	01655989653	106001716868	Vietinbank
4	Nguyễn Phạm Sơn Tùng	145D5202160119	55K1	Con người bị TNLD	Giảm 50%		480,000	5	2,400,000	101217944	01689479721	101001614820	Vietinbank
5	Trần Đình Duy	145D5202160007	55K2	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	184197943	01652555843	107001716882	Vietinbank
6	Nguyễn Minh Hoàng	145D5202160060	55K2	Con người HDKC nhiệm CDHH	Miễn		960,000	5	4,800,000	187612705	0963914695	106001487415	Vietinbank
7	Đặng Việt Hùng	145D5202160095	55K2	Con bệnh binh 2/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	187490521	01686137843	103001716886	Vietinbank
8	Lê Công Minh	145D5202160030	55K2	Con bệnh binh 2/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	187634048	01649999097	106001716883	Vietinbank
9	Hoàng Đức Anh	155D5202160051	56K2	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187441348	01666931595	100002626545	Vietinbank
10	Ngô Võ Đại Thắng	155D5202160019	56K2	Con người HDKC nhiệm CDHH	Miễn		960,000	5	4,800,000	187621036	0977134146	106002626606	Vietinbank
11	Cao Bá Sơn	155D5202160076	56K2	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thỏ	960,000	5	4,800,000	187628288	01682863871	107002626599	Vietinbank
12	Phạm Đức Cường	165TDV200256	57K	Con bệnh binh 2/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	184350439	01637665445	105003399050	Vietinbank
13	Nguyễn Thế Tài	165TDV200315	57K	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187728400	0169744741	107003634355	Vietinbank
14	Nguyễn Duy Tý	1755252021600043	58K	Con Bệnh binh 3/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	187729553	01653148797	105867641830	Vietinbank
15	Phan Tuấn Đức	1755252021600018	58K	Con Bệnh binh 2/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	187796794	01692050677	107867641801	Vietinbank
16	Nguyễn Tiến Đạt	18575202160006	59K	Con Bệnh binh 2/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	187847612	869627100		Vietinbank
17	Phạm Quang Vinh	18575202160018	59K	Con thương binh 1/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187759295	01882060382		Vietinbank
Tổng tiền:							15,840,000		79,200,000				

Ấn định danh sách miễn 16 sinh viên, giảm 50% 01 sinh viên.

Ngành: Kỹ thuật điện tử truyền thông

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Thái Viết Giáp	145D5202070057	55K	Con bệnh binh 2/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	187334104	0966937201	103001260404	Vietinbank
2	Nguyễn Duy Trung	145D5202070020	55K	Con bệnh binh 2/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	187633313	0963914417	107001716640	Vietinbank
3	Trương Văn Huy	155D5202072001	56K	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thỏ	960,000	5	4,800,000	187377866	0964226934	102002675597	Vietinbank
4	Hoàng Quỳnh Trang	155D5202070002	56K	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		960,000	5	4,800,000	187698922	01634981868	106002098757	Vietinbank
5	Đặng Hồng Quân	1755252020700006	58K	Tàn tật, hộ cận nghèo	Miễn		960,000	5	4,800,000	187812743	01637666602	107867641783	Vietinbank
Tổng tiền:							4,800,000		24,000,000				
Tổng tiền:							81,120,000		405,600,000				

Ấn định danh sách miễn: 05 SV.

Ấn định danh sách toàn Viện miễn 81 SV, giảm 50% 7 SV.

3. VIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ TÀI NGUYÊN

Ngành: QLTN và Môi trường

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Mông Văn Ngọc	155D8501012002	56K1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187479573	01666822978	101002133735	Vietinbank
2	Phan Thị Lê	155D8501010040	56K1	Con bệnh binh 2/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	184287384	984450572	108002626317	Vietinbank
3	Mùa Bá Trừ	155D8501010045	56K1	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187566042	1695176952	109002626343	Vietinbank
4	Nguyễn Thị Thu Hằng	155D8501010056	56K1	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187618608	1659717139	108002626331	Vietinbank
5	Lô Văn Lượng	155D8501010014	56K1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187561722	0964695465	109002626316	Vietinbank
6	Nguyễn Viết Đạt	155D8501010010	56K1	Con thương binh 3/4	Miễn	Kinh	810,000	5	4,050,000	187453658	0976522661	104002142736	Vietinbank
7	Nguyễn Duy Mạnh	155D8501010063	56K1	Con thương binh 4/4	Miễn	Kinh	810,000	5	4,050,000	187608491	0985925803	100002626339	Vietinbank
8	Vi Văn Bé	155D8501010062	56K2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187554790	1632093829	109002626521	Vietinbank
9	Nguyễn Thế Bưng	155D8501012003	56K2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187461375	01634754626	105001414752	Vietinbank
10	Và Bá Cu	155D8501010069	56K2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187760167	01658002232	102002626528	Vietinbank
11	Nguyễn Đức Thoại	155D8501010048	56K2	Con bệnh binh 3/3	Miễn	Kinh	810,000	5	4,050,000	184190378	01682008776	105002626513	Vietinbank
12	Lô Ngọc Hoàng	155D8501010074	56K2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187360457	01652215116	101002626529	Vietinbank
13	Hoàng Thị Hiền	155D8501012001	56K2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187519281	967303544	106002626509	Vietinbank
14	Nguyễn Thị Minh Châu	18578501010005	59K	Con thương binh 4/4	Miễn	Kinh	810,000	5	4,050,000	187757814	01664871815	105869089878	Vietinbank
Tổng tiền:							11,340,000		56,700,000				

Ấn định danh sách miễn: 14 SV.

Ngành: Quản lý đất đai

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Kha Văn Huy	155D8501030020	56K	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187565817	1683471157	104002562574	Vietinbank
2	Lô Văn Huyền	155D8501030045	56K	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187477766	1698040164	108006921972	Vietinbank
3	Lý Bá Tria	155D8501030029	56K1	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187567787	1662370682	109002562581	Vietinbank
4	Học Thị Hương	155D8501030032	56K1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187563592	0964225069	107002562583	Vietinbank
5	Lô Thị Dung	155D8501030009	56K1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187562565	0972549322	105002562560	Vietinbank
6	Hà Thị Lan	155D8501030035	56K1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187330999	0982744912	104006963127	Vietinbank
7	Hà Anh Tuấn	155D851030036	56K1	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187559858	966021232	105006921923	Vietinbank
8	Vì Văn Nam	155D8501030015	56K1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187537953	1626194992	109002032635	Vietinbank
9	Vừ Bá Hòa	165TDV300006	57K	DTTS Hộ nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187695250	1665350175	711AD6155321	Vietinbank
10	Lô Văn Toàn	165TDV300012	57K	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187773864	987461831	711AD6155562	Vietinbank
11	Vì Thái Tuấn	185785010330008	59K	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187649600	01692593881	106869089877	Vietinbank
Tổng tiền:							8,910,000		44,550,000				

Ấn định danh sách miễn: 11SV.

Ngành: Khuyến nông

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Dân tộc	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Lương Văn Mạnh	1755262010200000	58K	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187671274	944856127	104867606739	Vietinbank
2	Vì Thị Lê Na	18576201020005	59K	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	178666389	0988969410	102003796229	Vietinbank
3	Phang Kiều Linh	18576201020002	59K	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187832786	01669326248	109869089834	Vietinbank
4	Lương Thị Nam	18576201020001	59K	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187629947	01635048886	108869089835	Vietinbank
Tổng tiền:							2,511,000		12,555,000				

Ấn định danh sách miễn 01 SV, giảm 70% 03 SV.

Ngành: Kinh tế nông nghiệp

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Nguyễn Thị Huyền	155D6201150008	56B	Con thương binh 3/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184207804	979185032	711AC4393641	Vietinbank
2	Lô Minh Đức	155D6201150005	56B	DTTS, hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187560495	1632179942	711AC4393626	Vietinbank
3	Lô Văn Cánh	155D6201150014	56B	DTTS, vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	186884537	966199962	711AC4393614	Vietinbank
4	Cút Thái Bình	155D6201150021	56B	DTTS, Hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187561885	01678272565	711AC7938193	Vietinbank
5	Lạng Anh Phúc	155D6201150016	56B	DTTS, vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187479385	1698508266	711AC4393701	Vietinbank
6	Lô Xuân Vũ	155D6201152001	56B	DTTS, vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187505691	1648943353	711AC4393744	Vietinbank
7	Hà Thị Lan	155D6201152002	56B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187561102	981940744	711AC4393665	Vietinbank
8	Mạc Thị Thùy My	155D6201150010	56B	DTTS, vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187516154	0969146498	DDA10600250349	Vietinbank
9	Vì Thị Phương	155D6201150013	56B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187552891	0969487491	711A83849183	Vietinbank
Tổng tiền:							6,318,000		31,590,000				

Ấn định danh sách miễn 5 SV miễn; giảm 70% 4 SV.

Ngành: Nuôi trồng thủy sản

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Vì Thị Hậu	155D6203010010	56K	DTTS, Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187628287	0966351867	711AC4394996	Vietinbank
2	Kim Thị Tuất	155D6203012002	56K	DTTS, Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187562286	0967725069	711AC7939871	Vietinbank
3	Xông Bá Hà	165TDV300077	57K	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	H'Mông	567,000	5	2,835,000	187693004	0962242761	711AD7672056	Vietinbank
4	Lữ Văn Tới	165TDV300094	57K	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187503469	971523645	711AD7613494	Vietinbank
5	Sầm Thị Huyền Mơ	18576203010008	59K	DTTS, Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187477620	01668664677	109869093942	Vietinbank
6	Lô Thị Ngọc Trâm	18576203010005	59K	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	H'Mông	567,000	5	2,835,000	187569182	01627061316	101869089869	Vietinbank
7	Lô Quốc Tuấn	18576203010004	59K	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187770650	0961164115	103869089870	Vietinbank
Tổng tiền:							4,941,000		24,705,000				

Ấn định danh sách miễn 04 SV, giảm 70% 03 SV.

Ngành: Nông học

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Cụt Văn Vương	155D6201092011	56K	DTTS, vùng ĐBK	Giảm 70%	Khơ mú	567,000	5	2,835,000	187692123	1657544657	711AC7383999	Vietinbank
2	Cụt Văn Hải	155D6201092014	56K	DTTS, Hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187565897	0962283867	711AC7383905	Vietinbank
3	Lô Thị Quỳnh	155D6201092012	56K	DTTS, Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187628652	0965016403	711AC7383932	Vietinbank
4	Vi Thị Thủy	155D6201092009	56K	DTTS, Hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187672102	01655738178	711AC7383963	Vietinbank
5	Lang Thị Hồng Duyên	155D6201092013	56K	DTTS, Hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187504633	1633388171	711AC3192089	Vietinbank
6	Kim Thị Nhớ	155D6201092006	56K	DTTS, Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187480131	96796045	711AB0117933	Vietinbank
7	La Thị Nga	155D6201092019	56K	DTTS, Hộ nghèo	Miễn	Đan Lai	810,000	5	4,050,000	187473441	964976249	711AC7383924	Vietinbank
8	Lô Thị Hồng	155D6201090015	56K	DTTS, hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187562823	1655631114	711AC4394618	Vietinbank
9	Lô Thị Hoài	155D6201090018	56K	DTTS, hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187562781	1677988106	711AC4394602	Vietinbank
10	Lô Văn Đức	155D6201090019	56K	DTTS, hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187562566	975683221	711AC4394554	Vietinbank
11	Lang Văn Doãn	155D6201090017	56K	DTTS, hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	167561355	01654013583	711AC4394542	Vietinbank
12	Lô Thị Tia	155D6201090025	56K	DTTS, Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187256876	01672707690	711AC4394684	Vietinbank
13	Lô Thị Huyền	155D6201090023	56K	DTTS, hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187561739	01684481317	711AC4394633	Vietinbank
14	Hà Như Quỳnh	155D6201090021	56K	DTTS, hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187626156	01664754662	711AC4394672	Vietinbank
15	Xông Bá Thông	155D6201090027	56K	DTTS, Hộ nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187560662	0966121258	711AC7383951	Vietinbank
16	Vi Thị Hương Giang	155D6201090007	56K	DTTS, Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187693197	1692820187	711AC4394581	Vietinbank
17	Và Bá Giê	155D6201092016	56K	DTTS, vùng ĐBK	Giảm 70%	H'Mông	567,000	5	2,835,000	178230341	01678167327	711AC7383896	Vietinbank
18	Và Y Gầu	155D6201092017	56K	DTTS, vùng ĐBK	Giảm 70%	H'Mông	567,000	5	2,835,000	187671934	1239068229	711AC7383884	Vietinbank
19	Xông Bá Xênh	155D6201092015	56K	DTTS, vùng ĐBK	Giảm 70%	H'Mông	567,000	5	2,835,000	187360360	1648519053	711AC7384005	Vietinbank
20	Moong Y Tâm	155D6201092008	56K	DTTS, hộ nghèo	Miễn	Khơ Mú	810,000	5	4,050,000	187564484	016736002503	711AC7383948	Vietinbank
21	Lo Thị Hằng	155D6201092005	56K	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Ố Đu	810,000	5	4,050,000	187165592	0971879626	711AD7788233	Vietinbank
22	Lương Văn Tinh	155D6201092018	56K	DTTS Hộ Cận nghèo	Miễn	Thổ	810,000	5	4,050,000	187505613	01664668728	711AC738987	Vietinbank
23	Lô Văn Tinh	155D6201092002	56K	DTTS Hộ nghèo	Miễn	K Mú	810,000	5	4,050,000	187629316	01694872733	711AC7383975	Vietinbank
24	Lô Thị Hương	155D6201092010	56K	DTTS Hộ Cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187694890	01232005066	711AC7383912	Vietinbank
25	Lầu Bá Cha	165TDV300085	57K	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187779001	1679487227	711AD6155211	Vietinbank
26	Lương Thị Doan	165TDV300003	57K	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187626109	1665350175	711AD615548	Vietinbank
27	Quang Văn Tám	165TDV300076	57K	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187626153	01665350175	711AD7684048	Vietinbank
28	Vi Văn Dương	165TDV300005	57K	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187640210	9874618831	711AD6155487	Vietinbank
29	Cụt Văn Nhiệm	165TDV300075	57K	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187695931	01692776603	711AD7684154	Vietinbank
30	Lang Thanh Đông	165TDV300091	57K	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187672195	01655526774	711AD6155451	Vietinbank
31	Lý Bá Xành	165TDV300090	57K	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	H'Mông	567,000	5	2,835,000	187567302	1699441297	711AD6155278	Vietinbank
32	Phạm Thị Tươi	165TDV300083	57K	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184254942	1687854040	711AD7613494	Vietinbank
33	Vi Thị Bích	1755262010900000	58K	DTTS hộ nghèo	Miễn	Đan lai	810,000	5	4,050,000	187671468	1299457013	107867606749	Vietinbank
34	Lô Thị Bình	18576201090015	59K	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187685651	01633851928	102869089856	Vietinbank
35	Cụt Văn Bua	18576201090016	59K	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Khơ mú	567,000	5	2,835,000	187865723	0132911312	105869089838	Vietinbank
36	Sầm Đình Lực	18576201090006	59K	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187685183	01292510736	104869089842	Vietinbank
37	Lô Thị Lich	18576201090007	59K	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187712536	01298002553	106869089840	Vietinbank
38	Vi Nhật Quang	18576201090005	59K	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187786249	01664008590	109869089847	Vietinbank
39	Vi Thị Thủy	18576201090004	59K	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187710535	0971345753	106869093765	Vietinbank
40	Và Bá Thương	18576201090012	59K	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187866676	01686781201	107869089849	Vietinbank
41	Lương Thị Thơm	18576201090052	59K	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187710760	01232332810	103869089855	Vietinbank
42	Dềnh Sỹ Công	18576201090023	59K	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	H'Mông	567,000	5	2,835,000	187695199	01677519553	107869089851	Vietinbank
43	Cụt Văn Hạnh	18576201090023	59K	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187865105	01254112997	101869089857	Vietinbank
An định danh sách miễn 33 SV; giảm 70% 10 SV							Tổng tiền:	32,400,000	162,000,000				

Ngành: Chăn nuôi

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Trương Thị Phiên	1755262010500000	58K	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187643769	1253229670	106867606737	Vietinbank
Tổng tiền:							810,000		4,050,000				
							67,230,000		336,150,000				

Ấn định danh sách miễn 01 SV
Ấn định danh sách toàn Viện miễn 69 SV; giảm 70% 20 SV.

4. KHOA GIÁO DỤC

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Vũ Thị Hoa	155D1401140007	56B	Con mồ côi cha mẹ	Miễn	Kinh	810,000	5	4,050,000	184760106	1669829681	104002519890	Vietinbank
2	Lữ Thị Hằng	155D1401142001	56B	DTTS hộ.nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187552380	1683903424	104001413276	Vietinbank
3	Lương Thị Tâm	155D1401140025	56B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187563716	988293917	106002519904	Vietinbank
4	Lang Thanh Tuấn	155D1401140006	56B	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	174892626	1669679444	109001960309	Vietinbank
5	Nguyễn Thu Hằng	1755214011400021	58B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thổ	810,000	5	4,050,000	187644580	0972892810	101867694845	Vietinbank
6	Cút Thị Chiên	1755214011400031	58B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187694957	01647756713	105867694841	Vietinbank
7	Chương Hồng Mi	18571401140007	59B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187930680	0976382726	109869107604	Vietinbank
8	Nguyễn Thị Thanh Sơn	18571401140003	59B	Con bệnh binh 2/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	187799792	01683436206	106869107607	Vietinbank
Tổng tiền:							6,237,000		31,185,000				

Ấn định danh sách toàn khoa miễn 07 SV, giảm 70% 01 SV

5. VIỆN CÔNG NGHỆ HÓA SINH MÔI TRƯỜNG

Ngành: Công nghệ Thực phẩm

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Phạm Thị Chính	145D5401010114	55K1	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187436171	1655409633	108101705837	Vietinbank
2	Nguyễn Minh Tuấn	145D5401010043	55K1	Con bệnh binh 2/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	187501592	1626324042	1070017058826	Vietinbank
3	Nguyễn Thị Lịch	145D5401010144	55K1	SV tàn tật hộ cận nghèo	Miễn		960,000	5	4,800,000	187462342	974938661	106001705839	Vietinbank
4	Phạm Thị Ngọc Gấm	145D5401010086	55K2	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187617414	977540084	103001432902	Vietinbank
5	Lê Thị Mai	145D5401010061	55K2	Con thương binh 3/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187645695	1679980997	105001504195	Vietinbank
6	Hoàng Thị Mến	145D5401010097	55K2	Con bệnh binh 2/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	187570544	949366910	109001705849	Vietinbank
7	Trịnh Tuấn Anh	145D5401010102	55K2	Con mồ côi cả cha lẫn mẹ	Miễn	Kinh	960,000	5	4,800,000	187318351	1262254437	104867051499	Vietinbank
8	Nguyễn Văn Vương	145D5401010129	55K2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thổ	960,000	5	4,800,000	187319355	969473103	108001705852	Vietinbank
9	Hoàng Thị Mơ	145D5401010142	55K3	Con thương binh 3/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187411783	1646439423	105001705867	Vietinbank
10	Hà Thị Xuân	145D5401010023	55K3	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thanh	960,000	5	4,800,000	187374803	1673330903	105001705855	Vietinbank
11	Trịnh Thị Hải	155D5401010024	56K1	Con người HDKC nhiễm CDHH	Miễn		960,000	5	4,800,000	187533615	1663835796	107001456802	Vietinbank
12	Tăng Thị Hằng	155D5401010061	56K1	Con thương binh 3/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	184263621	972576359	109002562612	Vietinbank
13	Hồ Thị Mỹ	155D5401010063	56K2	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187792240	01657782345	106003634309	Vietinbank
14	Đinh Thị Thu Uyên	165TDV200106	57K	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187576200	01645180054	102003634285	Vietinbank
15	Đặng Thị Hiền	165TDV200140	57K	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187782589	01688303800	100867628258	Vietinbank
16	Nguyễn Sỹ Anh Quốc	1755254010100025	58K	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187696085	01656402401	100867628273	Vietinbank
17	Trần Thị Xuân Trà	1755254010100040	58K	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		480,000	5	2,400,000				
18	Moong Thị Lam	18577203010011	59K	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Khơ mú	960,000	5	4,800,000	187783405	01647572028		Vietinbank
Tổng tiền:							16,800,000		84,000,000				

Ấn định danh sách toàn khoa miễn 17 SV, giảm 50% 01 SV

Ngành: Khoa học môi trường

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Bùi Thị Thu Hà	155D4403010015	56B-KHMT	Con Thương Binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184194862	1626274655	104002063593	Vietinbank

2	Dương Nhật Lệ	155D4403010014	56B- KHMT	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	187441523	972405221	103006613072	Vietinbank
3	Lữ Trọng Đạt	155D4403010017	56B- KHMT	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187684894	1645114944	100002626257	Vietinbank
4	Nguyễn Văn Lợi	155D4403010020	56B-KHMT	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	101229659	0961187597	103002626266	Vietinbank
							Tổng tiền:		2,430,000			12,150,000	

Ấn định danh sách miễn 02 SV, giảm 50% 02 SV

Ngành: Công nghệ Kỹ thuật hóa học

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Trần Quang Hà	145D5104010003	55K-KT Hóa	Con người bị TNLD	Giảm 50%		480,000	5	2,400,000	187366659	0973544231	105001773593	Viettin Bank
							Tổng tiền:		480,000			2,400,000	
							Tổng tiền:		19,710,000			98,550,000	

Ấn định danh sách giảm 50% 01 SV

Ấn định danh sách toàn Viện miễn 19 SV, giảm 50% 04 SV

6. KHOA KINH TẾ

Ngành: Kinh tế đầu tư

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Nguyễn Thị Minh Thư	155D3101010051	56B1	Con người TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	184267553	978496905	100002675369	Vietinbank
2	Lê Thị Kim Ngân	155D3101010001	56B1	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	184269929	01659194126	105002675364	Vietinbank
3	Xông Bá Chải	1755262011500002	58B1	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187692923	1675238326	105867555040	Vietinbank
4	Cụt Văn Đậu	1755262011500005	58B1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187475036	1664345483	104867649246	Vietinbank
5	Cụt Văn Chơ	165TDV100663	57B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ Mú	810,000	5	4,050,000	187474709	0961224835	107003634156	Vietinbank
6	Nguyễn Đình Ngọc	165TDV100559	57B1	Con thương binh hạng 3/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187575165	01639106699	109003634142	Vietinbank
7	Vì Huyền Trang	18573101010046	59B1	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187770148	0948979384	103003779928	Vietinbank
							Tổng tiền:		4,374,000			21,870,000	

Ấn định danh sách miễn 03 SV, giảm 70% 02 SV, giảm 50% 02 SV.

Ngành: Kế toán

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Nguyễn Thị Nhật Linh	155D3403010025	56B1	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184262163	1646888005	109002589194	Vietinbank
2	Nguyễn Thị Lài	155D3403010046	56B1	Con thương binh 1/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187716257	1655183827	101002589192	Vietinbank
3	Nguyễn Thị Cẩm Ly	155D3403010043	56B1	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187638779	1698987884	103002124877	Vietinbank
4	Trần Trọng Đức	155D3403010538	56B10	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187366821	1697179967	109001820821	Vietinbank
5	Trương Thị Hà Vi	155D3403010525	56B10	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187410484	1668497297	100002060290	Vietinbank
6	Đặng Thị Lan Hương	155D3403010507	56B10	Con bệnh binh 2/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	184242557	1678944696	106002063225	Vietinbank
7	Bùi Thị Hoa	155D3403010056	56B2	Con người HDKC nhiễm CDHF	Miễn		810,000	5	4,050,000	187639186	1695283997	103002589221	Vietinbank
8	Nguyễn Khánh Linh	155D3403010071	56B2	Con thương binh 3/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184292740	1693336568	109002589225	Vietinbank
9	Cù Thị Kim Na	155D3403010100	56B2	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	184276638	1663693285	105002589231	Vietinbank
10	Hoàng Thị Hà Giang	155D3403010002	56B2	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184314695	975952403	106002589216	Vietinbank
11	Vì Thị Thoan	155D3403010096	56B2	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187478848	01643474442	109002589240	Vietinbank
12	Phạm Thị Diệp	155D3403010144	56B3	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187707308	974992929	101002589248	Vietinbank
13	Nguyễn Minh Hoàng	155D3403010132	56B3	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	184194874	1637100835	103002066200	Vietinbank
14	Lê Hà Linh	155D3403010261	56B4	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	187605970	1662661781	108002589292	Vietinbank
15	Lương Văn Thắng	155D3403010208	56B5	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187627374	964655121	104002589379	Vietinbank
16	Trần Thị Linh	155D3403010249	56B5	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187508367	1686573165	105002110728	Vietinbank
17	Hoàng Thị Huyền	155D3403010332	56B7	Mô côi cha mẹ	Miễn		810,000	5	4,050,000	187639708	01645699631	100002589439	Vietinbank
18	Đồng Thanh Tâm	155D3403010308	56B7	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187606687	986194614	102002099199	Vietinbank
19	Nguyễn Thị Việt	155D3403010364	56B8	con mồ côi cha mẹ	Miễn		810,000	5	4,050,000	187544004	1685201719	109002589513	Vietinbank
20	Hà Thị Thủy Phương	155D3403010388	56B8	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187555766	986391461	109001468674	Vietinbank

21	Moong Thị Hương	155D3403010406	56B8	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Khơ Mú	810,000	5	4,050,000	187566031	1666719652	102002589477	Vietinbank
22	Mùa Bá Long	155D3403010131	56B3	DTTS hộ nghèo	Miễn	HMông	810,000	5	4,050,000	187475680	0945606782	109866778655	Vietinbank
23	Kha Thị Hiền	155D3403010448	56B10	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187373466	0969464990	108002675455	Vietinbank
24	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	155D3403010532	56B11	Con bệnh binh 2/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	187648548	0965685604	105002070274	Vietinbank
25	Nguyễn Thị Thái	1755234030100273	58B1	Con người HDKC nhiệm CDHH	Miễn		810,000	5	4,050,000	187823160	01258520115	101867554985	Vietinbank
26	Võ Thị Châu	1755234030100007	58B2	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187594611	01292086099	106867556609	Vietinbank
27	Trần Thị Hồng Ngọc	1755234030100023	58B2	Con bệnh binh 2/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	184385455	0971447675	105867556640	Vietinbank
28	Kiểu Lê Ngọc Diệp	1755234030100041	58B3	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184362093	01253971706	101867568834	Vietinbank
29	Dương Đình Thắng	1755234030100209	58B3	Con thương binh 3/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187758149	0981454154	105867568867	Vietinbank
30	Lê Thị Thanh	1755234030100219	58B5	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187755917	01676391101	107867569455	Vietinbank
31	Đào Thị Kim Ngân	1755234030100356	58B6	con mồ côi cha mẹ	Miễn		810,000	5	4,050,000	184322891	1652816613	103867569504	Vietinbank
32	Phan Thị Thu Hoài	1755234030100473	58B8	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	187587372	01686655008	102867570317	Vietinbank
33	Lê Thị Trà Giang	1755234030100483	58B8	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187762567	0968165646	103867570303	Vietinbank
34	Trương Thị Thơ	1755234030100489	58B9	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thổ	810,000	5	4,050,000	187642589	01665233676	102867649056	Vietinbank
35	Phan Thị Thủy Tiên	165TDV100176	57B3	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184323758	0918945558	101003633887	Vietinbank
36	Đào Thị Minh Phương	165TDV100195	57B3	Con người HDKC nhiệm CDHH	Miễn		810,000	5	4,050,000	187757015	01643003004	101003128644	Vietinbank
37	Thái Thị Hạnh	165TDV100107	57B2	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184342296	01646832345	102003633822	Vietinbank
38	Phạm Thị Lài	165TDV100222	57B4	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187409432	0974043749	105003633901	Vietinbank
39	Nguyễn Hữu Phước	165TDV100209	57B4	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	164260811	01649941188	107003633912	Vietinbank
40	Nguyễn Thị Huyền Tran	165TDV100364	57B5	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	187587223	01647078811	108003633962	Vietinbank
41	Nguyễn Thị Hương	165TDV100012	57B6	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184328371	0969518455	105003032926	Vietinbank
42	Nguyễn Chí Thành	165TDV100651	57B7	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	187756720	0949429958	109003634018	Vietinbank
43	Nguyễn Thị Cẩm Tú	165TDV100727	57B7	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184269138	01634557717	103003634026	Vietinbank
44	Nguyễn Thị Thanh Tâm	165TDV100557	57B7	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187789752	01646153969	100003634017	Vietinbank
45	Hoàng Thị Hà Nhi	165TDV100686	57B8	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184317707	01639615902	104003634052	Vietinbank
46	Nguyễn Thị Hằng	165TDV100671	57B8	Con bệnh binh 2/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	174918905	168775569	103003634041	Vietinbank
47	Lô Lâm Khang	165TDV100105	57B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187515149	01648502244	108003633826	Vietinbank
48	Lương Thị Minh Hà	165TDV100609	57B7	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%		567,000	5	2,835,000	187517340	01665686169	107003634010	Vietinbank
49	Đoàn Thương Thương	165TDV100295	57B8	Con người HDKC nhiệm CDHH	Miễn		810,000	5	4,050,000	187636519	01645833434	101003634070	Vietinbank
50	Vương Thị An	165TDV100180	57B9	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184341305	01632459111	711AD5841984	Vietinbank
51	Hoàng Tùng	1755234030100130	58B4	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184321764	0983338508	97041517204943	Vietinbank
52	Lương Hoài Nhi	1755234030100243	58B4	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187666363	0966544675	103867568927	Vietinbank
53	Trần Thị Huyền Trang	1755234030100114	58B4	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	187801416	0969698158	100867568945	Vietinbank
54	Võ Thị Khánh Huyền	18573403010144	59B1	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187848304	0941198019	104869241232	Vietinbank
55	Lương Thị Tiên	18573403010214	59B1	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187832815	01648832801	107869241254	Vietinbank
56	Hồ Dương Nguyệt Ánh	18573403010212	59B1	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187845869	0973359661	101869241211	Vietinbank
57	Nguyễn Thị Vân	18573403010141	59B1	Con bệnh binh 2/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	187872051	0944573829	109869241264	Vietinbank
58	Phạm Ngọc Hằng	18573403010215	59B1	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	187757597	01656136258	102869241222	Vietinbank
59	Lương Thị Tiên	18573403010214	59B1	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187832815	01648832801	107869241254	Vietinbank
60	Sử Thị Út Loan	18573403010258	59B2	Con thương binh 3/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184345714	0968130775	108869241375	Vietinbank
61	Lê Thị Cẩm Vân	18573403010282	59B2	Con người bị bệnh NN	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	187809458	0982230819	103869241412	Vietinbank
62	Phạm Thị Thắm	18573403010216	59B2	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184413356	0382930912	100869241397	Vietinbank
63	Lưu Kiều Linh	18573403010384	59B2	Con người bị bệnh NN	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	187829309	0986798464	103869280297	Vietinbank
64	Phan Thị Thanh Phương	18573403010440	59B3	Con thương binh 2/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187855805	01675429708	106869205057	Vietinbank
65	Nguyễn Kim Luyến	18573403010211	59B4	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187777769	01292312926	102869205119	Vietinbank
66	Nguyễn Thị Thu Hương	18573403010448	59B4	Con thương binh 1/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187859280	01637104551	107869205114	Vietinbank
67	Hoàng Thị Hồng Quyền	18573403010327	59B4	Khuyết tật, HCN	Miễn		810,000	5	4,050,000	187708877	0392418563	104869205129	Vietinbank
68	Võ Thị Ngân	18573403010426	59B5	con mồ côi cha mẹ	Miễn		810,000	5	4,050,000	184347115	0369697150	105868238639	Vietinbank
69	Nguyễn Thị Phương	18573403010436	59B5	Con bệnh binh 3/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	184390835	0826543081	108869205189	Vietinbank
70	Trần Thị Khánh Linh	18573403010513	59B6	Con bệnh binh 2/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	184382511	01639897846	102868732604	Vietinbank
71	Lô Thị Kim Xuyên	18573403010496	59B6	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187776497	0814102512	100869280346	Vietinbank
72	Tân Nguyễn Hoàng Anh	18573403010569	59B6	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187757471	0966788817	107869280254	Vietinbank
73	Vũ Minh Thư	18573403010511	59B6	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187837783	0964630868	106869205251	Vietinbank
74	Vũ Thị Diệu Linh	18573403010468	59B6	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%		567,000	5	2,835,000	187841890	01687642907	101869205231	Vietinbank

75	Đặng Khánh Huyền	18573403010521	59B7	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	187849219	0377308079		Vietinbank
76	Nguyễn Thị Mơ	18573403010565	59B8	Con người HDKC nhiễm CDHH	Miễn		810,000	5	4,050,000	1877764497	0814102512	107869280390	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn 61 SV, giảm 70% 04 SV, giảm 50% 11 SV.

Tổng tiền: 56,133,000 280,665,000

Ngành: Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Đào Thị Mỹ Hào	155D3401010065	56B1	Con Bệnh binh 2/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	184222702	1695343323	108002589623	Vietinbank
2	Lê Thị Hà	155D3401010118	56B1	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	187463433	962361653	100002589619	Vietinbank
3	Đậu Đức Đô	155D3401010091	56B1	Con thương binh 2/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187702173	0963037595	104002074198	Vietinbank
4	Nguyễn Thế Nguyên	155D3401010027	56B2	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	187587303	1648151849	104002589654	Vietinbank
5	Trần Đức Quý	155D3401010105	56B2	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184009482	972282389	711A44593889	Vietinbank
6	Đặng Thị Thùy Linh	155D3401010029	56B2	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184297007	967478796	106002589640	Vietinbank
7	Lương Văn Trung	155D3401010068	56B3	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	187573548	1668179996	711AC5384343	Vietinbank
8	Bùi Thị Thu Giang	1755234010100075	58B1	Con thương binh 3/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184361248	0943540031	102867556560	Vietinbank
9	Trần Thị Trà My	1755234010100092	58B2	Con bệnh binh 1/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	187818615	0965942907	108867568046	Vietinbank
10	Trần Thị Mỹ Linh	165TDV100293	57B1	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184315497	01668174217	100003634178	Vietinbank
11	Nguyễn Lương An	165TDV100485	57B2	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187697821	0965588418	105003634203	Vietinbank
12	Lục Thị Oanh	165TDV100597	57B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187523719	01664576644	100002967733	Vietinbank
13	Hà Thị Thanh Dung	165TDV100603	57B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	184395696	0949591267	104869241315	Vietinbank
14	Trần Thị Nhật Ánh	18573401010050	59B1	Con Bệnh binh 2/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	187895327	0382148574	106869280421	Vietinbank
15	Đặng Thị Hồng Hạnh	18573401010160	59B1	Con người HDKC nhiễm CDHH	Miễn		810,000	5	4,050,000	184371815	0969567628	105869241422	Vietinbank
16	Nguyễn Mậu Đồng	18573401010092	59B2	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184371815	0969567628	105869241422	Vietinbank
17	Nguyễn Văn Thanh	18573401010113	59B3	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187879263	01642427411	103869241297	Vietinbank
18	Trần Thanh Hải	18573401010049	59B3	Con thương binh 3/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184346475	0968068766	101869241318	Vietinbank
19	Nguyễn Thị Hồng Thắm	18573401010123	59B3	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		810,000	5	4,050,000	184358062	0942090623	101869241299	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn 15 SV, giảm 70% 01 SV, giảm 50% 03 SV.

Tổng tiền: 13,932,000 69,660,000

Ngành: Tài chính ngân hàng

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Nguyễn Thị Hiền	155D3402010044	56B1	Con Bệnh binh 2/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	184187848	1627958405	711AC6242852	Vietinbank
2	Nguyễn Thị Duyên	155D3402010007	56B1	Con thương binh 3/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184164275	972201561	100002675426	Vietinbank
3	Nguyễn Thị Thanh Hoa	155D3402010011	56B1	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184208058	1642335995	102002675436	Vietinbank
4	Đậu Thị Quyên	155D3402010113	56B2	Con Bệnh binh 2/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	187509736	1688585126	1011002110722	Vietinbank
5	Nguyễn Thị Nga	155D3402010105	56B2	Con Bệnh binh 3/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	187580076	977993470	106002589773	Vietinbank
6	Trần Thị Kiều Oanh	155D3402010052	56B2	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184297720	01697089945	103002589776	Vietinbank
7	Nguyễn Thị Trà My	17552340201-200040	58B1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187558950	01252311641	109867860028	Vietinbank
8	Hoàng Hữu Trọng	165TDV100322	57B	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		810,000	5	4,050,000	187790178	0945734319	107003634117	Vietinbank
9	Lương Thị Linh Chi	165TDV100542	57B	DTTS hộ cận nghèo	Miễn		810,000	5	4,050,000	187517326	01658001005	102003634079	Vietinbank
10	Lương Văn Duy	165TDV100276	57B	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	174939096	01626248425	103003073557	Vietinbank
11	Nguyễn Thị Cẩm Tú	18573402010030	59B1	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187819160	01662433149	105867853476	Vietinbank
12	Hoàng Nghĩa Thành	18573402010072	59B1	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	187845408	01643109462	101869205461	Vietinbank

Ấn định danh sách miễn 11 SV, giảm 50% 01 SV.

Tổng tiền: 9,315,000 46,575,000

Ấn định danh sách trong toàn khoa: miễn 90 SV, giảm 70% 07 SV, Giảm 50% 17 SV.

Tổng tiền: 83,754,000 418,770,000

7. KHOA LUẬT

Ngành: Luật học

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Dân tộc	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Hà Văn Cảnh	155D3801012005	56B1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187234651	1648724662	711AB9079357	Vietinbank
2	Đào Xuân Trường	155D3801010581	56B1	Con mồ côi cha mẹ	Miễn	Kinh	810,000	5	4,050,000	187386084	971846723	101002626077	Vietitnbank
3	Kha Thị Kim Chi	155D3801010552	56B1	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187401519	1646366830	101002626091	Vietitnbank
4	Kha Thị Na	155D3801010040	56B1	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187472962	989431775	100002626041	Vietitnbank
5	Xông Bá Cu	155D3801010587	56B1	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Dao	567,000	5	2,835,000	187158815	1669031612	711AC5748602	Vietinbank
6	Vang Thị Thân	155D3801010036	56B1	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187683367	0365012504	100002626053	Vietinbank
7	Sùng A Giồng	155D3801010677	56B10	DTTS hộ nghèo	Miễn	Mông	810,000	5	4,050,000	050902376	0945727930	711AC3748774	Vietinbank
8	Thao Văn Súa	155D3801010638	56B10	DTTS hộ nghèo	Miễn	Mông	810,000	5	4,050,000	174955996	01699154448	711AC4852288	Vietinbabk
9	Hoàng Thị Bích Ngọc	155D3801010683	56B10	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187673778	981419899	102001513765	Vietitnbank
10	Nguyễn Việt Hà	155D3801010682	56B10	Con bệnh binh 2/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	194630266	1654717736	106002048131	Vietitnbank
11	Phan Thị Minh Anh	155D3801010315	56B10	Con thương binh 3/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	175000340	975571019	105002536545	Vietitnbank
12	Lô Thị Thu Trang	155D3801010297	56B10	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187479747	948651335	100002536552	Vietitnbank
13	Trảng A Sông	155D3801010641	56B10	DTTS Vùng ĐBKK	Giảm 70%	Mông	567,000	5	2,835,000	63446140	1647319065	109002536578	Vietinbank
14	Bùi Thu Trang	155D3801010595	56B10	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Mường	810,000	5	4,050,000	113707123	964393946	106002536571	Vietinbank
15	Vì Sơn Anh	155D3801010504	56B10	DTTS Vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	173654395	964734757	108002536581	Vietinbank
16	Vì Thị Đàm Trang	155D3801010562	56B10	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187555122	0986218008	105002536569	Vietinbank
17	Thò Bá Phổng	155D3801010584	56B10	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	185765211	01666902504	106002536568	Vietinbank
18	Hà Thị Hường	155D3801010320	56B10	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	174953669	01639894436	107868871986	Vietinbank
19	Ngân Lang Ngọc Tú	155D3801010385	56B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187559231	01693309115	107002536340	Vietinbak
20	Vì Văn Tâm	155D3801010392	56B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187683124	0988200974	711AC4850147	Vietinbank
21	Nguyễn Sỹ Quang Trung	155D3801010056	56B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thanh	810,000	5	4,050,000	187457431	0983641241	711AC4849825	Vietitnbank
22	Hơ Văn Tựa	155D3801010702	56B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Mông	810,000	5	4,050,000	0380960026	01632020266	109002559816	Vietitnbank
23	Phạm Thị Vân Anh	155D3801010149	56B3	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187590635	967175097	711AC0078113	Vietinbank
24	Lô Thị Thanh Thủy	155D3801010089	56B3	DTTS Vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187478282	973286481	711AB0117705	Vietitnbank
25	Trương Thị Phương Hồn	155D3801010501	56B3	DTTS hộ nghèo	Miễn	Mường	810,000	5	4,050,000	174929856	988710053	103002536395	Vietitnbank
26	Hứa Thị Tuyết	155D3801010505	56B4	DTTS hộ nghèo	Miễn		810,000	5	4,050,000	85064386	1665719144	711AB5374465	Vietinbank
27	Lô Tiến Dũng	155D3801010532	56B4	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187515451	962671937	105002562328	Vietitnbank
28	Nguyễn Thị Tú Mai	155D3801010210	56B4	Con thương binh 2/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184293941	01684158964	107002562314	Vietitnbank
29	Bùi Thị Nhung	155D3801010626	56B4	DTTS hộ nghèo	Miễn	Mường	810,000	5	4,050,000	205939861	01633777201	106002555782	Vietitnbank
30	Hoàng Văn Tân	155D3801010628	56B4	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Tày	810,000	5	4,050,000		01684860939	101002562334	Vietitnbank
31	Đinh Văn Hưng	155D3801010609	56B4	DTTS hộ nghèo	Miễn	Mường	810,000	5	4,050,000		01676281920	711AC5110142	Vietitnbank
32	Đinh Thị Phúc	155D3801010607	56B4	DTTS hộ nghèo	Miễn	Mường	810,000	5	4,050,000		0969263400	10600256315	Vietitnbank
33	Nguyễn Thị Lan Hương	155D3801010414	56B5	Con bệnh binh 1/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	187675267	916145524	100002562375	Vietinbank
34	Đoàn Anh Tuấn	155D3801010577	56B5	Con thương binh 1/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184237568	964434287	104002562383	Vietinbank
35	Kiều Thị Trang	155D3801010085	56B5	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	184308111	943322318	104002562356	Vietinbank
36	Lô Thị Tú Anh	155D3801010273	56B5	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187569047	1649198758	107002562353	Vietitnbank
37	Nãnh	155D3801010344	56B5	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Ba Na	567,000	5	2,835,000	231180795	0987839317	108002387825	Vietitnbank
38	Khoảng Thị Tuyết	155D3801010663	56B5	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	40631477	1672979553	711AC5110609	Vietinbank
39	Bùi Công Nguyên	155D3801010001	56B5	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187465684	0981949149	105002110237	Vietinbank
40	Quang Thị An	155D3801010420	56B6	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187561614	1626961481	103002536425	Vietitnbank
41	Hoàng Thị Lan	155D3801010250	56B6	Con bệnh binh 2/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	031986677	01627213358	107001492296	Vietitnbank
42	Đinh Thị Duyên	155D3801010384	56B6	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Tày	567,000	5	2,835,000	241696756	01684951909	107002536433	Vietitnbank
43	Lê Thị Hoài Như	155D3801010022	56B7	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184265805	1694615084	104001468775	Vietitnbank
44	Lý Bá Tu	155D3801010194	56B7	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187567951	971354525	100002562387	Vietitnbank
45	Hồ Văn Hình	155D3801010679	56B7	Con bệnh binh 3/3	Miễn	Paco	810,000	5	4,050,000	197198125	1654322223	108002732397	Vietitnbank
46	Vì Văn Dưỡng	155D3801010508	56B7	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Tày	810,000	5	4,050,000	085064954	1688881856	104002562413	Vietitnbank
47	Trần A Thái Bảo	155D3801010693	56B7	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Đe	567,000	5	2,835,000	233221787	1639941094	102003044972	Vietitnbank

48	Rmah Disai	155D3801010695	56B7	DTTS hộ nghèo	Miền	Jrai	810,000	5	4,050,000	231046110	01679084190	101002845760	Viettinbank
49	Nguyễn Văn Đạt	155D3801010696	56B7	Con thương binh 4/4	Miền		810,000	5	4,050,000	187639351	0981389555	101003044973	Viettinbank
50	Lê Ngọc Anh	155D3801010634	56B7	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	174520508	01626038310	101002425468	Viettinbank
51	Tòng Văn Xuân	155D3801010280	56B7	DTTS hộ nghèo	Miền	Thái	810,000	5	4,050,000	040483545	0963525801	102001455778	Viettinbank
52	Hà Thị Yêm	155D3801010469	56B8	DTTS hộ cận nghèo	Miền	Thái	810,000	5	4,050,000	172557208	01648885089	105006860161	Viettinbank
53	Bùi Thị Trang	155D3801010002	56B8	DTTS hộ nghèo	Miền	Mường	810,000	5	4,050,000	113633384	01666129361	105003044896	Viettinbank
54	Hoàng Nguyên Hiếu	155D3801010433	56B8	Mồ côi cha, mẹ mất tích	Miền		810,000	5	4,050,000	125640212	1692998355	108002466242	Viettinbank
55	Thào A Tê	155D3801010093	56B8	DTTS hộ nghèo	Miền	Mông	810,000	5	4,050,000	50894492	1652652160	100002536494	Viettinbank
56	Lầu Bá Công	155D3801010211	56B8	DTTS hộ cận nghèo	Miền	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187567960	01667708000	109002536483	Viettinbank
57	Lô Thị Hồng	155D3801010497	56B8	DTTS hộ cận nghèo	Miền	Thái	810,000	5	4,050,000	187330697	0974580272	107002536473	Viettinbank
58	Phạm Văn Khoa	155D3801010299	56B9	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	187417924	1633141023	711AA8997585	Viettinbank
59	Sùng A Vàng	155D3801010691	56B9	DTTS hộ nghèo	Miền	Mông	810,000	5	4,050,000	040470043	01636627094	103002109703	Viettinbank
60	Đặng Thị Hương Giang	165TDV400609	57B1	Con thương binh 4/4	Miền		810,000	5	4,050,000	197368158	01698409898	108003634800	Viettin bank
61	Lê Thị Tinh	165TDV400950	57B1	Con thương binh 2/4	Miền		810,000	5	4,050,000	174912711	01632563364	104002022692	Viettin bank
62	Chá A Chinh	165TDV400614	57B1	DTTS hộ nghèo	Miền	Mông	810,000	5	4,050,000	04728913	0943657561	100003634792	Viettin bank
63	Hoàng Bảo Thượng	165TDV400630	57B1	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Nùng	567,000	5	2,835,000	082319730	0964785002	105003634828	Viettin bank
64	Lô Văn Dũng	165TDV400620	57B1	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Nùng	567,000	5	2,835,000	187692477	0965214585	107003634795	Viettin bank
65	Đào Linh Trang	165TDV400333	57B1	Con thương binh 4/4	Miền		810,000	5	4,050,000	187606977	0966788658	107002060242	Viettin bank
66	Hồ Thị Thủy Trang	165TDV400255	57B1	Con thương binh 2/4	Miền		810,000	5	4,050,000	187696373	1685807426	711AD5849483	Viettin bank
67	Nông Thị Kiều	165TDV400101	57B1	DTTS hộ cận nghèo	Miền	Tày	810,000	5	4,050,000	85907890	164304329	105003657302	Viettinbank
68	Hiên Thị Tuyết	165TDV400561	57B1	DTTS hộ nghèo	Miền	Gié-Triêng	810,000	5	4,050,000	206051062	1657541526	711AD5850172	Viettin bank
69	Hoàng Thị Hà	165TDV400324	57B2	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187504583	963739914	108003634537	Viettin bank
70	Lò Thành Công	165TDV400519	57B2	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	051069331	01664720820	105003634530	Viettin bank
71	Lữ Thị Huyền	165TDV400195	57B3	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	175008787	0985580191	101003634574	Viettin bank
72	Ngô Anh Thủy	165TDV400013	57B3	Con bệnh binh 2/3	Miền	Kinh	810,000	5	4,050,000	174913154	01682118962	108003073167	Viettin bank
73	Mùa A Thống	165TDV400559	57B3	DTTS hộ nghèo	Miền	Mông	810,000	5	4,050,000	051054092	01628764499	105003762899	Viettin bank
74	Lô Thị May Thắm	165TDV400450	57B3	DTTS hộ cận nghèo	Miền	Thái	810,000	5	4,050,000	187631196	0339657923	103003634596	Viettin bank
75	Đặng Thị Thanh Thảo	165TDV400219	57B4	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	197380266	0905490868	101003634629	Viettin bank
76	Vi Thị Kim Chi	165TDV400312	57B5	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187517376	0966353600	3617205052490	Agribank
77	Đỗ Đức Thu Hiền	1755238010100196	58B1	Con thương binh 3/4	Miền		810,000	5	4,050,000	187753305	0912630205	108867576487	Vietinbank
78	Lạng Thế Kiệt	1755238010100205	58B1	DTTS hộ cận nghèo	Miền	Thái	810,000	5	4,050,000	187671193	01638395817	109867589940	Vietinbank
79	Hoàng Đức Mạnh	1755238010100271	58B1	Con thương binh 4/4	Miền		810,000	5	4,050,000	051099026	0965886019	107867649216	Vietinbank
80	Thào A Lênh	1755238010100236	58B1	DTTS hộ nghèo	Miền	H'Mông	810,000	5	4,050,000	040582862	01646682455	104867562622	Vietinbank
81	Đặng Tổ Thắng	1755238010100227	58B2	Con thương binh 1/4	Miền		810,000	5	4,050,000	187713770	01242789744	105867586500	Vietinbank
82	Lê Huỳnh Tấn Sang	1755238010100170	58B2	Con thương binh 4/4	Miền		810,000	5	4,050,000	187818434	01238100249	106867586493	Vietinbank
83	Vi Thị Linh Thảo	1755238010100015	58B2	DTTS hộ cận nghèo	Miền	Thái	810,000	5	4,050,000	187643803	0967848640	103867586502	Vietinbank
84	Hồ Thị Mai	1755238010100053	58B2	Con thương binh 4/4	Miền		810,000	5	4,050,000	187734729	0988355624	106867586481	Vietinbank
85	Bùi Ngọc Ánh	1755238010100094	58B2	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%	Kinh	405,000	5	2,025,000	101294641	01652007019	106867586454	Vietinbank
86	Phạm Thị Khánh Huyền	1755238010100161	58B3	Con bệnh binh 2/3	Miền		810,000	5	4,050,000	187704853	0975886917	102867589237	Vietinbank
87	Trần Thị Lan	1755238010100267	58B3	Con thương binh 4/4	Miền		810,000	5	4,050,000	1841103324	01653208246	102867589240	Vietinbank
88	Nguyễn Thanh Lâm	1755238010100260	58B3	Con bệnh binh 2/3	Miền	Kinh	810,000	5	4,050,000	187594909	01205480514	100867589239	Vietinbank
89	Lô Thị Tâm	1755238010100104	58B4	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187672316	01626111874	104867589972	Vietinbank
90	Lô Thị Sen	1755238010100198	58B4	DTTS hộ cận nghèo	Miền	Thái	810,000	5	4,050,000	187569630	0961812015	106867589967	Vietinbank
91	Lô Văn Danh	1755238010100114	58B4	DTTS hộ nghèo	Miền	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187779866	01648085358	109867589925	Vietinbank
92	Trần Thị Khánh Huyền	1755238010100284	58B5	Con thương binh 3/4	Miền	Kinh	810,000	5	4,050,000	184340789	0918519175	107867589979	Vietinbank
93	Nguyễn Thị Yến	1755238010100134	58B5	Con thương binh 3/4	Miền		810,000	5	4,050,000	187802069	01684011655	3607205367059	Agribank
94	Hà Văn Thái	1755238010100101	58B5	DTTS hộ nghèo	Miền	Mường	810,000	5	4,050,000	175071042	01693631239	101003030359	Vietinbank
95	Hoàng Văn Trọng	1755238010100047	58B5	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Tày	567,000	5	2,835,000	085043826	01644127469	100867590009	Vietinbank
96	Lô Văn Tư	1755238010100217	58B5	DTTS vùng ĐBKK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	051009708	01637977635	105867589983	Vietinbank

97	Cút Thị Vân	1755238010100098	58B5	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Khơ mú	567,000	5	2,835,000	187781333	0888302808	109867590013	Vietinbank
98	Vi Văn Âu	18573801010003	59B1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187767148	01647104267	106869047719	Vietinbank
99	Kha Bá Phím	18573801010092	59B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187695783	0986015090	106869107659	Vietinbank
100	Giảng A Sênh	18573801010059	59B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	051125784	0832574445	104869107649	Vietinbank
101	Sông Thị Ca	18573801010025	59B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	051071235	01633717613	108869107620	Vietinbank
102	Đặng Thành Đạt	18573801010008	59B1	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187802670	0915081691	102869107626	Vietinbank
103	Lê Thị Khánh Huyền	18573801010105	59B1	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187896245	01636919659	104869107636	Vietinbank
104	Mùa Bá Dền	18573801010083	59B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187865887	01679195670	101869107711	Vietinbank
105	Trần Xuân Thủy	18573801010023	59B2	Con thương binh 1/3	Miễn	Kinh	810,000	5	4,050,000	183115293	0916152789	106869036648	Vietinbank
106	Hoa Thị Sơn	18573801010016	59B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Khơ mú	810,000	5	4,050,000	187695676	01293553070	100869107736	Vietinbank
107	Trần Thị Hà Thương	18573801010016	59B2	Con thương binh 4/4	Miễn	Kinh	810,000	5	4,050,000	187817170	01256770120	106869107743	Vietinbank
108	Vi Thị Hằng Nga	18573801010010	59B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187557610	0968553607	109869107725	Vietinbank
109	Lê Đức Hai Ngân	18573801010069	59B2	Con thương binh 4/4	Miễn	Kinh	810,000	5	4,050,000	187819360	0948972000	106869107728	Vietinbank
110	Lò Thị Huyền	18573801010021	59B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	174871635	0832580114	102869107722	Vietinbank
111	Nguyễn Thị Nghĩa	18573801010088	59B2	Con bệnh binh 2/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	184377689	0962902464	105869107729	Vietinbank
112	Lương Văn Thiêm	18573801010021	59B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187837592	0393481252	109869107740	Vietinbank
Tổng tiền:							83,106,000		415,530,000				

Ấn định danh sách miễn 84 SV, giảm 70% 23 SV, giảm 50% 05 SV.

Ngành: Luật kinh tế

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Đặng Thị Huyền Trang	155D3801070058	56B1	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		810,000	5	4,050,000	187410229	1682105053	711AB7716696	Vietinbank
2	Hồ Thị Thúy Thơm	155D3801070522	56B1	Con thương binh 2/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184246620	0967302448	103002626120	Vietinbank
3	Trần Thị Hoa	155D3801070299	56B10	Con người bị TNLĐ	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	184269523	1698672433	103002562550	Vietinbank
4	Phạm Thị Thanh Huyền	155D3801070292	56B10	Con thương binh 3/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	113713040	1674991872	109002562539	Vietinbank
5	Xông Bá Khùa	155D3801070141	56B10	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187474344	1632813013	107006927364	Vietinbank
6	Võ Thị Thu Uyên	155D3801070116	56B3	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187713168	976139045	3607205303657	Agribank
7	Đặng Thị Mùi	155D3801070214	56B4	Con thương binh 3/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187613716	982894134	100001489458	Vietinbank
8	Thiếu Quang Khang	155D3801070346	56B4	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184261569	01687410454	711AC4853595	Vietinbank
9	Nguyễn Thị Phương Thảo	155D3801070462	56B5	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187573724	1626969507	103002448865	Vietinbank
10	Lầu A Kỳ	155D3801070280	56B5	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	H'Mông	567,000	5	2,835,000	40781567	989905149	105002057272	Vietinbank
11	Vi Thị Hằng My	155D3801072001	56B5	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187325243	949089461	107001055982	Vietinbank
12	Nông Thị Nghệ	155D3801070532	56B6	DTTS hộ nghèo	Miễn	Tày	810,000	5	4,050,000	85064495	966246548	106002562499	Vietinbank
13	Mạc Thị Vân	155D3801070186	56B6	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187555895	0971055993	102001468668	Vietinbank
14	Nguyễn Cảnh Vũ	155D3801070083	56B7	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187512562	965889740	711AC0657432	Vietinbank
15	Phạm Thị Loan	155D3801070124	56B7	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184301260	971719004	109002536717	Vietinbank
16	Làng Thị Nhu	155D3801070094	56B7	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	174898860	973531397	711AC4853784	Vietinbank
17	Quang Văn Hoan	155D3801010634	56B7	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187477311	01299850413	107002536706	Vietinbank
18	Lữ Văn Sáu	145D3801070005	56B1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187479088	0962756494	104006808228	Vietinbank
19	Nguyễn Thị Thanh Thủy	155D3801070428	56B8	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184288874	972950082	104002908641	Vietinbank
20	Bàn Thủy Linh	155D3801070500	56B8	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Dao	567,000	5	2,835,000	2219 700044	1689513605	100002719521	Vietinbank
21	Lê Ngọc Hà	155D3801070459	56B8	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thổ	810,000	5	4,050,000	187662914	981432492	102002705915	Vietinbank
22	Bạch Linh Chiêu	155D3801070436	56B8	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Mường	810,000	5	4,050,000	113670092	01685955885	106002719525	Vietinbank
23	Trần Thị Mỹ Linh	155D3801070351	56B9	Con bệnh binh 2/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	187440455	1632879457	103002536752	Vietinbank
24	Quang Thị Mai	155D3801070194	56B9	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187628348	1654524936	109002536771	Vietinbank
25	Mong Việt Anh	155D3801070147	56B9	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Khơ mú	567,000	5	2,835,000	50937667	975009226	100002536770	Vietinbank
26	Lữ Thị Dung	165TDV400517	57B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187684080	01694690191	711AD5849164	Vietin bank
27	Nguyễn Thị Xuyên	165TDV400074	57 B2	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thổ	567,000	5	2,835,000	187663073	01697873294	103003634708	Vietin bank
28	Nguyễn Thị Hồng Anh	165TDV400044	57 B2	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187756656	96331998	86100 0053118	Vietcombank

29	Lê Ngọc Anh	165TDV400125	57 B2	Con thương binh 3/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187608151	1698713213	711AD0785499	Viettin bank
30	Hoàng Thị Hiền	165TDV400256	57 B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Sân chi	810,000	5	4,050,000	95257601	1658782207	101003645715	Vietinbank
31	Lê Thị Thủy	165TDV400549	57 B2	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187658480	0986015231	711AD5849791	Viettin bank
32	Hà Đức Tài	165TDV400045	57 B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	174939071	01668789429	104003073504	Viettin bank
33	Nguyễn Thị Gái	165TDV400137	57 B3	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184287161	1628281211	711AD5849914	Viettin bank
34	Lô Thị Hoài	165TDV400416	57 B4	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187518339	01639829797	103002967698	Viettin
35	Xông Bá Xà	165TDV400538	57 B4	DTTS hộ nghèo	Miễn	Mông	810,000	5	4,050,000	187695755	01666772762	711AD5850611	Viettin bank
36	Lô Thị Hậu	1755238010700010	58B1	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187712757	01299579456	100867576543	Vietinbank
37	Vi Thị Trang	1755238010700071	58B1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187765285	01292320464	109867576571	Vietinbank
38	Nguyễn Thị Thủy	17550238010700042	58B2	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187796115	01648494230	106867586551	Vietinbank
39	Nguyễn Minh Đức	17550238010700106	58B2	Con thương binh 3/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184323365	0941670887	106867586512	Vietinbank
40	Quang Thị Trang	17550238010700124	58B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187774336	0967587090	10086701696	Vietinbank
41	Nguyễn Tuấn Kiệt	17550238010700097	58B3	Con thương binh 1/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187822305	0964993028	51110000487883	BIDV
42	Nguyễn Duy Hiếu	17550238010700126	58B3	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187817356	01677547963	108867589283	Vietinbank
43	Hồ Đình Thế	1755238010700173	58B4	Con thương binh 4/4	Miễn	Kinh	810,000	5	4,050,000	187260319	01649282580	106867590070	Vietinbank
44	Lô Thị Cúc	17550238010700083	58B4	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	174957953	01666641387	105867590029	Vietinbank
45	Nguyễn Thị Phương Thảo	185738010700068	59B2	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	187845686	01638002495	108869107778	Vietinbank
46	Xông Bá Lại	185738010700087	59B2	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	810,000	5	4,050,000	187670059	0948470114	100869107790	Vietinbank
47	Vi Thị Trinh	18573801070105	59B2	DTTS vùng ĐBK	Giảm 70%	Thái	567,000	5	2,835,000	187710205	01699137735	100869107794	Vietinbank
48	Đặng Văn Đình	18573801070101	59B2	Con bệnh binh 2/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184394704	0948729658	100869107788	Vietinbank
Ấn định danh sách miễn 38 SV, giảm 70% 08 SV, giảm 50% 02 SV.							Tổng tiền:	36,126,000	180,630,000				
Ấn định danh sách toàn khoa miễn 123 SV, giảm 70% 31 SV, giảm 50% 07 SV.							Tổng tiền:	119,232,000	596,160,000				

8. KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Hà Thị Vân	155D2202010023	56B1	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187568374	1662445671	711AC6242588	Vietinbank
2	Nguyễn Thị Thương	155D2202010010	56B1	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		810,000	5	4,050,000	187582270	1678550159	711AC6242533	Vietinbank
3	Đặng Quỳnh Dung	155D2202010125	56B2	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184294832	962972989	711AC5749404	Vietinbank
4	Nguyễn Thị Như	155D2202010171	56B2	Con thương binh 2/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184285110	1667844346	711AC5749561	Vietinbank
5	Đinh Thị Hiền	155D2202010135	56B2	Con bệnh binh 3/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	187593075	1697372024	711AC5749443	Vietinbank
6	Trương Thị Hòa	155D2202010057	56B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thô	810,000	5	4,050,000	187512586	1677724383	711AC5749455	Vietinbank
7	Đặng Thị Mỹ Hoa	155D2202010058	56B2	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		810,000	5	4,050,000	173928171	1678864409	711AC3061982	Vietinbank
8	Vi Thị Diệu	155D2202010178	56B3	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187471434	1675887214	711AC5749794	Vietinbank
9	Bùi Thị Huyền	155D2202010179	56B3	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		810,000	5	4,050,000	184244787	1669768772	711AC5749877	Vietinbank
10	Phạm Thị Mỹ Hạnh	155D2202010172	56B3	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184267326	976208673	711AC5749822	Vietinbank
11	Đinh Thị May	155D2202010108	56B3	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187692882	01637197713	711AC5749913	Viettin bank
12	Ngân Thùy Phương	155D2202010221	56B4	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187671226	0961032320	711AC6606775	Viettin bank
13	Trần Huy Hoàng Minh	155D2202010213	56B4	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	184319548	184319548	711AC6606748	Vietinbank
14	Nguyễn Thị Thảo	155D2202010061	56B4	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187580421	187580421	711AC6606827	Vietinbank
15	Trần Thị Hà Phương	155D2202010114	56B4	Con thương binh 2/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187592119	1693129203	711AC0077693	Vietinbank
16	Nguyễn Hoài Thương	155D2202010232	56B5	Con người HDKC bị nhiễm CDHH	Miễn		810,000	5	4,050,000	285599047	989266124	711AC5750365	Vietinbank
17	Nguyễn Thị Hoài Phương	155D2202010121	56B5	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	187441129	971097059	711AC5750338	Vietinbank
18	Lô Văn Sơn	155D2202012001	56B5	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187626473	1677172531	711AB9079463	Vietinbank
19	Nguyễn Thị Thơm	165D22020100162	57B2	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	Miễn		810,000	5	4,050,000	187405398	944224256	711AD1975412	Vietinbank
20	Trần Thị Khánh Ly	165D22020100038	57B2	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187719057	962381145	105003436210	Vietinbank
21	Lộc Thị Dung	165D22020100123	57B3	DTTS Hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187642407	988970848	711AD5852137	Vietinbank
22	Phan Trọng Phước Thành	165D22020100142	57B2	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187697235	903451902	711AD0786566	Vietinbank
23	Nguyễn Thị Thủy Hà	165D22020100030	57B1	Con người bị TNLD	Giảm 50%	16	405,000	5	2,025,000	187709274	1627713322	711AD5851476	Vietinbank

24	Hà Thị Thương	155D2202010046	56B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187470253	971960566	711AC5749644	Viettin bank
25	Nguyễn Minh Hiếu	1755222020100040	58B2	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187817112	0943357937	104867611534	Viettin bank
26	Nguyễn Thị Thúy Hằng	1755222020100021	58B1	Con liệt sỹ	Miễn		810,000	5	4,050,000	187766653	0947649822	105867611476	Viettin bank
27	Nguyễn Thị Uyên	1755222020100018	58B1	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		810,000	5	4,050,000	184334084	01654517928	102867611512	Viettin bank
28	Bùi Thị Thu Sang	1755222020100102	58B5	Con Thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187813343	0983418069	100867611514	Viettin bank
29	Nguyễn Thị Thanh Hoa	1755222020100229	58B5	Con Thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	1878427745	01685115989	109867611624	Viettin bank
30	Nguyễn Thị Ngọc Anh	18572202010075	59B1	Con Bệnh Binh 1/3	Miễn		810,000	5	4,050,000	184360782	0904952344	641000024515	Vietcombank
31	Phan Thị Hoài	18572202010072	59B1	HDKC bị nhiễm CDHH	Miễn		810,000	5	4,050,000	184408256	01672031490	101869108037	Viettin bank
32	Lô Thị Hà	18572202010036	59B2	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	810,000	5	4,050,000	187841224	0854580567	102869108088	Viettin bank
33	Lê Thị Dung	18572202010196	59B3	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		810,000	5	4,050,000	187697396	0964887621	102869108133	Viettin bank
34	Nguyễn Thị Linh Chi	18572202010132	58B3	Con thương binh 4/4	Miễn		810,000	5	4,050,000	187767659	0988901418	105869108130	Viettin bank
35	Nguyễn Thị Hoa Phương	18572202010187	59B4	Con người bị TNLD	Giảm 50%		405,000	5	2,025,000	184358147	0363241545	101869108204	Viettin bank
Tổng tiền:							27,135,000		135,675,000				

Ấn định danh sách toàn khoa miễn 32 SV, giảm 50% 03 SV.

9. KHOA XÂY DỰNG

Ngành: Kỹ thuật xây dựng

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Phan Văn Kỳ	145D5802080152	55K1	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		960,000	5	4,800,000	187566024	1653313272	711AB5728383	Vietinbank
2	Nguyễn Doãn Bích	145D5802080163	55K2	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		960,000	5	4,800,000	187634054	1672963835	711AA9148073	Vietinbank
3	Đinh Bảo Quốc	145D5802080124	55K2	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	184072696	976891809	711A86515124	Vietinbank
4	Dương Đức Kế	145D5802080096	55K3	Con bệnh binh 2/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	184276625	1634308994	711AB5729852	Vietinbank
5	Trần Công Tú	145D5802080082	55K3	Con bệnh binh 1/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	184260243	1672870383	711AB0156284	Vietinbank
6	Vi Văn Tuyển	145D5802080110	55K3	DTTS hộ cận nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187560997	1634705707	711AB5729888	Vietinbank
7	Lưu Đức Nhường	155D5802080116	56K1	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187441540	1634622606	711AC5751566	Vietinbank
8	Phan Mạnh	155D5802080132	56K2	Con người bị TNLD	Giảm 50%		480,000	5	2,400,000	184301340	962412972	711AC6298693	Vietinbank
9	Lâu Bá Cu	155D5802080194	56K2	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	960,000	5	4,800,000	187563192	972174915	711AC6298484	Vietinbank
10	Lương Văn Phênh	155D5802080211	56K3	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187225895	964023654	711AC5755134	Vietinbank
11	Lầu A BLông	155D5802080162	56K3	DTTS hộ nghèo	Miễn	H'Mông	960,000	5	4,800,000	40781670	919437349	711AC0050657	Vietinbank
12	Nguyễn Thành Đạt	155D5802080031	56K4	Con thương binh 3/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187403931	1642747545	711AC5755291	Vietinbank
13	Trần Việt Dũng	155D5802080118	56K4	Con bệnh binh 2/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	184269168	1666088896	711AC5755283	Vietinbank
14	Trần Trung Đức	155D5802080058	56K4	Con thương binh 3/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187698936	01679239368	711AC5755311	Vietinbank
15	Võ Quang Hải	165TDV200293	57 K1	Con bệnh binh 1/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	184268485	01634276570	711AC4707341	Vietinbank
16	Nguyễn Văn Bách	165TDV200108	57K1	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187717966	1633242474	711AD5856624	Vietinbank
17	Lê Văn Điệp	165TDV200312	57K2	Con bệnh binh 2/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	187128935	976390371	711A67083271	Vietinbank
18	Nguyễn Đức Trường	165TDV200311	57K2	Con bệnh binh 2/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	175023962	01633242474	711AD5857355	Vietinbank
19	Đặng Đăng Hoàng	1755258020800080	58K1 XD	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		960,000	5	4,800,000	187759664	01682105053	104867628388	Vietinbank
20	Doãn Văn Toàn	1755258020800029	58K2 XD	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187745272	0978381490	105867628429	Vietinbank
21	Nguyễn Thanh Hải	18575802010021	59K1	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187818266	0961480629	0101001210963	Vietcombank
22	Phan Văn Trường	18575802010047	59K2	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187696579	0922113190	102869107978	Vietinbank
Tổng tiền:							20,640,000		103,200,000				

Ấn định danh sách miễn 21 SV, giảm 50% 01 SV

Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Miễn giảm	Ghi chú	Số tiền đ/tháng	Số tháng	Số tiền đ/kỳ	Số CMND	Số điện thoại	Số tài khoản	Thuộc ngân hàng
1	Phạm Văn Sơn	145D5802050020	55K1	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	184171159	1657527563	711AB5727841	Vietinbank
2	Lê Văn Phú Anh	145D5802050004	55K2	Con bệnh binh 2/3	Miễn		960,000	5	4,800,000	187441503	1664911786	711AA5606107	Vietinbank
3	Phan Hữu Tú	145D5802050118	55K2	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	184255809	965915443	711AB5729415	Vietinbank
4	Lương Minh Vỹ	155D5802050071	56K1	DTTS Hộ nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187505177	1696234163	711AC5752964	Vietinbank
5	Nguyễn Phúc Song	155D5802050004	56K1	Con thương binh 4/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	184317492	1682562292	711AC5752877	Vietinbank
6	Đinh Quang Đức	155D5802050061	56K2	Con thương binh 2/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187608130	1678754218	711AC5752428	Vietinbank
7	Nguyễn Tuấn Cường	155D5802050064	56K2	Con người bị TNLD	Giảm 50%		480,000	5	2,400,000	184288010	1643350345	711AC5752371	Vietinbank
8	Trần Quốc Hoàng	155D5802050012	56K2	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		960,000	5	4,800,000	187394756	962656385	711AC5752455	Vietinbank
9	Nguyễn Mạnh Tú	155D5802050010	56K2	Con mồ côi cha mẹ	Miễn		960,000	5	4,800,000	187698387	1292695766	711AC0467134	Vietinbank
10	Vũ Văn Quý	1755258020500011	58K3 XD	DTTS hộ nghèo	Miễn	Thái	960,000	5	4,800,000	187642590	0979465042	106867628361	Vietinbank
11	Lê Công Bình	1755258020506000	58K1	Con thương binh 2/4	Miễn		960,000	5	4,800,000	187696292	01653270909		Vietinbank
Tổng tiền:							10,080,000		50,400,000				
Tổng tiền:							30,720,000		153,600,000				

Ấn định danh sách miễn 10 SV, giảm 50% 01 SV.

Ấn định danh sách toàn khoa miễn 31 SV, giảm 50% 02 SV

Ấn định danh sách toàn trường gồm 665 SV, trong đó miễn 553 SV, giảm 70% 72 SV, giảm 50% 40 SV

Tổng tiền: 527,289,000 2,636,445,000

Số tiền miễn giảm học kỳ 1 năm học 2018 - 2019 là 2.636.445 đồng (Hai tỷ, sáu trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Danh sách gồm có 18 trang, từ trang 1 - 18

PHÓ PHỤ TRÁCH PHÒNG CTCT-HSSV



ThS. Đặng Thị Thu

QUYỀN TRƯỞNG PHÒNG KH-TC



ThS. Đậu Đăng Tuấn



GS.TS. Đinh Xuân Khoa